

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **153/2021/DS-ST**

Ngày: 27/05/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Phúc Viễn**

+ Ông **Đặng Phước Lung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Dương Văn Nguyễn** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-DS ngày 22/03/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Lê Thị Kim A** – sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Trần Thanh B** – sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Danh C** – sinh năm 1954. (có mặt)

Nguyễn Văn D – sinh năm 1950. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Thái E** – sinh năm 1992. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị **Lê Thị Kim A** trình bày: Do quen biết nên vào năm 2019, chị có cho ông **Nguyễn Văn D** và bà **Danh C** vay số tiền 310.000.000 đồng, vay nhiều lần. Khi vay tiền, bà **C** có làm biên nhận. Biên nhận ghi là mượn tiền nhưng chị cho vay với lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/ tháng. Bà **C** trả tiền lãi được 01-

02 tháng đầu năm 2019 thì ngưng không trả lãi nữa. Toàn bộ giao dịch vay tiền là giữa chị và bà C thực hiện. Bà C và anh E, con trai bà C có trả cho chị số tiền 105.000.000 đồng. Bà C vay tiền để lo trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Nay chị yêu cầu ông D bà C trả số tiền 205.000.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Danh C trình bày: bà có hỏi vay tiền của chị A nhiều lần, vay vào năm 2019 với lãi suất là 10%/ tháng, trả lãi từ năm 2019 đến năm 2020 thì ngưng không trả nữa. Quá trình vay con trai bà là anh Nguyễn Thái E có trả cho chị A số tiền 100.000.000 đồng và bà trả 5.000.000 đồng. Ông D, chồng bà không biết bà vay tiền của chị A. Nay bà không đồng ý với yêu cầu của chị A yêu cầu trả số tiền 310.000.000 đồng vì hiện nay bà chỉ còn nợ 205.000.000 đồng và xin trả dần cho đến khi hết nợ.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Số tiền bà C vay của chị A khi nào ông không biết. Đến năm 2020, chị A lên nhà đòi tiền thì ông mới biết, sau đó con trai ông là Nguyễn Thái E có đến nhà chị Phương trả 100.000.000 đồng và bà C trả 5.000.000 đồng. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị A.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái E trình bày: cuối năm 2019 những ngày giáp tết, anh chị em trong gia đình về nhà chơi thì chị A lên nhà nói việc mẹ anh là bà C có vay tiền của chị A với số tiền là 310.000.000 đồng. Sau đó anh em anh thỏa thuận và xin chị A cho mẹ anh trả dần, anh trả cho chị A số tiền 100.000.000 đồng, mẹ anh trả 5.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 105.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 105.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A. Buộc bà Danh C và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền 205.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Danh C trả số tiền vay còn nợ nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Danh C cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái E có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/4/2021, nguyên đơn chị Lê Thị Kim A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 105.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị A là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin rút của chị A theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim A: chị A yêu cầu bà C ông D trả số tiền 205.000.000 đồng. Khi vay, chị A, bà C có làm biên nhận là giấy mượn tiền, bà C thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền chị A cung cấp cho Tòa án là chữ ký của bà và hai bên thống nhất là vay có tính lãi suất. Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, bà C thừa nhận là có vay tiền và còn nợ chị A số tiền 205.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà C và chị A đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5.1] Đối với yêu cầu của chị A yêu cầu ông Nguyễn Văn D cùng liên đới trả tiền cho chị: xét thấy bà C và ông D là vợ chồng, hiện sống chung nhà, tại phiên tòa hôm nay, bà C trình bày bà vay tiền của chị A để về trang trải chi phí sinh hoạt, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, chăm sóc ông D và trả những khoản nợ bà vay của người khác nên làm phát sinh nghĩa vụ liên đới của ông D trong việc trả nợ cho chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc ông D có nghĩa vụ liên đới cùng bà C trả số tiền 205.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[5.2] Về tiền lãi: chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.3] Về thời gian trả: Bà C xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị A không đồng ý. Xét thấy việc bà C chậm trả tiền gây thiệt thòi, ảnh hưởng quyền lợi của chị A nên chị A yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị A được chấp nhận nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà C, ông D là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim A đối với số tiền 105.000.000 đồng.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim A.

Buộc bà Danh C và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim A số tiền **205.000.000** đồng (Hai trăm lẻ năm triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà C ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bà Danh C, ông Nguyễn Văn D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000 đồng theo biên lai thu số 0004759 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên